

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÝ NHÂN  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23-8-2022

V/v ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Thành Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Kiệm và ông Nguyễn Hải Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị T, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Vũ Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2022, bản tự khai, lời khai của nguyên đơn chị Trần Thị T; bản tự khai, lời khai của bị đơn Vũ Văn T và các tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:*

**- Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị T và anh Vũ Văn T tìm hiểu và kết hôn tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/2020 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương.

**\* Theo chị Trần Thị T trình bày:** Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ chồng tại thôn 1, xã N, huyện L tỉnh Hà Nam, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm. Đến khoảng tháng 4 năm 2021, chị T đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, xích mích trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày với mẹ chồng và chị gái chồng do gia đình chồng khắt khe, can thiệp sâu vào đời sống chung của vợ chồng. Anh T là chồng nhưng nhu nhược, không biết hoà giải mâu

thuần giữa mẹ chồng, nàng dâu, nên nhiều lần vợ chồng xảy ra cãi nhau, lời ra tiếng vào. Đến ngày 15/12/2021 (âm lịch), mẹ chồng và dì ruột chồng đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã bế con nhỏ về nhà mẹ đẻ (ở cùng xã N) sinh sống, ly thân với anh T. Sau đó, anh T chở bà Q (mẹ đẻ) đến nhà xin lỗi chị, chị lại về đoàn tụ, tiếp tục chung sống với anh T. Nhưng kể từ đó, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vì giữa chị và mẹ chồng, chị chồng không hoà hợp, hay xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, chị chồng nhiều lần bịa chuyện, nói xấu chị và gia đình chị, anh T bênh, đứng về phía mẹ đẻ và chị chồng nên vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn căng thẳng vào tối ngày 05/6/2022, anh T dùng tay tát, cầm ghế gỗ phang vào lưng chị. Vì vậy, chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên đã ly thân với anh T từ đó cho đến nay, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh Vũ Văn T.

\* *Anh Vũ Văn T trình bày:* Sau ngày cưới, vợ chồng sống cùng nhà với bố mẹ anh, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc. Quá trình vợ chồng chung sống, chị T nhiều lần xảy ra mâu thuẫn với mẹ chồng, anh là người ở giữa cũng chỉ biết khuyên bảo chị T nhẫn nhịn nhưng chị T không nghe, nhiều lần kêu gào, nói mào tào và đòi ly hôn với anh. Chị T đã 02 lần bỏ đi về nhà mẹ đẻ sinh sống, ly thân với anh, được khoảng 02 tuần thì anh đi tìm chị T về đoàn tụ, chung sống với anh. Đến ngày 05/6/2022, chị T xảy ra to tiếng, cãi nhau với mẹ và chị gái anh, anh đi làm về nhà thấy chị T to tiếng với gia đình nên anh cũng quát, mắng chị T nên ngay tối hôm đó, chị T bỏ nhà đi đâu từ đó cho đến nay, vợ chồng tôi ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn với chị T vì con chung của vợ chồng còn nhỏ, cần sự chăm sóc của cả hai vợ chồng, nhưng anh cũng không có biện pháp nào để vợ chồng có thể đoàn tụ được với nhau. Nếu chị T vẫn cương quyết xin ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với chị T với điều kiện anh được nuôi con chung.

- *Về con chung:* Chị T và anh T đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Văn Dũng, sinh ngày 11/01/2021, hiện nay do anh T và bố mẹ anh T đang nuôi dưỡng.

Trường hợp vợ chồng ly hôn: Chị T và anh T đều đề nghị được nuôi dưỡng con chung cho tới khi cháu đủ 18 tuổi. Chị T và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác:* Chị T và anh T đều không yêu cầu Toà án phải giải quyết.

*Tại phiên toà:*

- Nguyên đơn chị Trần Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Vũ Văn T. Về con chung: Chị T đề nghị giao con chung là cháu Vũ Văn Dũng, sinh ngày 11/01/2021 cho chị nuôi dưỡng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi vì cháu hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Chị T không yêu cầu Toà án phải giải quyết.

- Bị đơn anh Vũ Văn T đề nghị được đoàn tụ cùng chị T. Nếu chị T vẫn cương quyết xin ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với chị T với điều kiện anh được nuôi con chung. Về con chung: Anh T đề nghị được nuôi dưỡng cháu Vũ Văn Dũng, sinh ngày 11/01/2021 cho tới khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Anh T không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định theo Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Vũ Văn T. Về con chung: Do cháu Vũ Văn D, sinh ngày 11/01/2021, đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần phải giao cháu cho chị Trần Thị T nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Vũ Văn T là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn ngày 24/02/2020 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Chị T cho rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ anh T, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, giữa chị và gia đình nhà chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Anh T là chồng nhưng không có chứng kiến, hoà giải giữa hai bên mà còn bênh mẹ và chị gái chồng nên vợ chồng nhiều lần xảy ra xích mích, cãi nhau, chị đã hai lần bỏ về nhà mẹ đẻ chị, ly thân với anh T, sau đó lại về đoàn tụ, vợ chồng lại tiếp tục chung sống với nhau nhưng không có hạnh phúc. Đến ngày 05/6/2022, vợ chồng xảy ra cãi nhau, anh T tát và đánh chị nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị sinh sống, ly thân với anh T cho đến nay, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Chị đề nghị được ly hôn với anh T.

Anh T cho rằng: Quá trình chung sống, chị T nhiều lần xảy ra mâu thuẫn với mẹ chồng, chị chồng, anh là người ở giữa cũng chỉ biết khuyên bảo chị T nhẫn nhịn nhưng chị T không nghe. Chị T 02 lần bỏ đi về nhà mẹ đẻ sinh sống, ly thân với anh, anh đã phải đi tìm chị T về đoàn tụ. Đến ngày 05/6/2022, chị T xảy ra to tiếng, cãi nhau với mẹ và chị gái anh, anh đi làm về nhà thấy chị T to tiếng với gia đình nên anh cũng quát, mắng chị T nên ngay tối hôm đó, chị T bỏ nhà đi đâu từ đó cho đến nay, vợ chồng tôi ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn với anh, anh không nhất trí ly hôn với chị T. Nếu chị T vẫn cương quyết xin ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với chị T với điều kiện anh được nuôi con chung.

Toà án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi vợ chồng anh chị chung sống. Ý kiến của địa phương đều xác định do chị T về chung sống với gia đình chồng, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, giữa chị T và gia đình nhà chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng, anh T không có cách khuyên bảo phù hợp để hoà giải. Đến tháng 6/2022, chị T xảy ra mâu thuẫn với gia đình chồng, anh T bức tức có tát chị, nên vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, anh chị ly thân từ đó cho đến nay.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh T đưa ra là khác nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2022 đến nay, không ai quan tâm tới ai. Điều đó, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là Vũ Văn Dũng, sinh ngày 11/01/2021, do anh T và bố mẹ anh T đang nuôi dưỡng.

Xét thấy, chị T và anh T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và đều có thu nhập nên đủ điều kiện nuôi con chung. Tuy nhiên, cháu Vũ Văn Dũng (sinh ngày 11/01/2021) đến nay mới trên 19 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cháu Dũng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với ý kiến của chị T và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự đều không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; các Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Văn Dũng, sinh ngày 11/01/2021 cho chị Trần Thị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu đủ 18 tuổi (cháu Dũng đang ở với anh T). Anh Vũ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị T.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Đồi trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0001056 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã N;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thành Nam**